

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **328/2017/DS-PT**

Ngày: 28 - 12 - 2017

V/v tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Võ Thị Thu Thúy**

Các Thẩm phán:

Bà **Nguyễn Thị Sâm Hương**

Bà **Trần Thị Kim Em**

- Thư ký phiên tòa: Bà **Huỳnh Hoàng Phương** - Thư ký Tòa án tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang: Bà **Lê Thị Thắm**-
Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong các ngày 14, 21 và ngày 28 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 231/2017/TLPT-DS ngày 31 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 118/2017/DSST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 340/2017/QĐ-PT ngày 15/11/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông **Cao Văn T**, sinh năm 1952;

Địa chỉ: Số 136, tổ 12, khu 3, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện theo ủy quyền: Chị **Lê Thị Hồng T**, sinh năm 1983; (có mặt)

Địa chỉ: Số 29, tổ 1, ấp BT, xã TA, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Chị **Lại Thu H**, sinh năm 1980; (có mặt)

Địa chỉ: Số 473C, tổ 24, khu 4, thị trấn CB, huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

* Người kháng cáo: Nguyên đơn **Cao Văn T** và bị đơn **Lại Thu H**.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo án sơ thẩm,

** Nguyên đơn ông Cao Văn T do chị Lê Thị Hồng T làm đại diện theo ủy quyền trình bày:*

Ngày 26/6/2011, ông T cho chị Lại Thu H vay số tiền 2.050.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/ tháng, thời hạn vay 20 ngày. Chị H có viết biên nhận và thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ 170905 do chị H đứng tên. Đến hạn chị H không trả vốn và lãi như hai bên đã thỏa thuận.

Ông T yêu cầu chị H phải trả cho ông số tiền vốn 2.050.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định pháp luật tính từ ngày 26/6/2011 đến ngày xét xử, trả 01 lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Khi nào chị H trả xong số tiền nêu trên, ông tự nguyện trả lại cho chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị H đã thế chấp.

Sau khi có quyết định giám đốc thẩm của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh hủy bản án phúc thẩm năm 2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và hủy bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CB, trong quá trình chờ kết quả giải quyết của các cấp Tòa án, Chi cục Thi hành án dân sự thành phố MT, tỉnh Tiền Giang đã hoàn tất thủ tục kê biên đấu giá phần đất chị H đã thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông T trước đây, để thực hiện nghĩa vụ thi hành án của chị H trong bản án khác, số tiền còn lại do Chi cục đang lưu giữ. Ngày 20/7/2017, ông T có đơn yêu cầu Tòa án nhân dân huyện CB áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, phong tỏa số tiền 491.000.000 đồng của chị H đang được lưu giữ tại Chi cục thi hành án dân sự thành phố MT để đảm bảo thi hành án đối với khoản nợ của ông.

** Bị đơn chị Lại Thu H trình bày:*

Ngày 26/4/2009, chị làm biên nhận vay của ông T 100.000.000 đồng lãi suất 20%/ tháng có thế chấp giấy phép kinh doanh khách sạn, đến ngày 26/02/2010 cộng vốn và lãi 240.000.000 đồng, chị thỏa thuận vay tiếp. Do tính lãi trước một tháng nên ghi giấy nợ là 300.000.000 đồng lãi suất 20%/ tháng, vì lãi suất quá cao chị không có khả năng trả. Đến ngày 26/6/2011, ông T cộng chung vốn và lãi rồi đe dọa, buộc chị viết biên nhận vay 2.050.000.000 đồng, lãi suất 2,5%/ tháng, thời hạn vay 20 ngày và chị có thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 3329, tờ bản đồ 757 diện tích 399,43m² tọa lạc ấp LH, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang. Sau khi xét xử sơ thẩm năm 2012, chị có gọi điện cho ông T xin giảm tiền lãi và được ông T đồng ý (cuộc gọi thứ nhất ông T đồng ý bớt cho chị 500.000.000 đồng, cuộc điện thoại sau ông T đồng ý bớt 600.000.000 đồng) và chị đã ghi âm cuộc điện thoại đó, sao chép vào thẻ nhớ gửi cho Tòa để chứng minh số tiền nợ không đúng như ông T trình bày. Chị không đồng ý với quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/7/2017 của Tòa án cấp sơ thẩm, chị có đơn khiếu nại không được chấp nhận.

Nay, chị đồng ý trả cho ông T tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng tính từ ngày 15/3/2012 xét xử sơ thẩm đến ngày 23/7/2012 xử phúc thẩm.

Tại bản án sơ thẩm số 26/2012/DSST ngày 15/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang quyết định:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T.

- Buộc chị Lại Thu H trả cho ông T số tiền vay 2.050.000.000 đồng và 193.981.250 đồng tiền lãi. Tổng cộng là 2.243.981.250 đồng, trả một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại bản án dân sự phúc thẩm số 309/2012/DSPT ngày 23/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang, quyết định:

- Buộc chị Lại Thu H trả cho ông Cao Văn T số tiền vay nợ vốn cộng lãi là 355.500.000 đồng, trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

- Ghi nhận việc ông T tự nguyện trả cho chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AQ170905 diện tích 399,43m² đất tọa lạc ấp LH, xã ĐT, thành phố MT, tỉnh Tiền Giang do chị Lại Thu H đứng tên, giao trả cùng thời điểm chị H trả số tiền nêu trên cho ông Cao Văn T.

Tại Quyết định Giám đốc thẩm số 41/2016/DS-GĐT ngày 19/02/2016 của Ủy ban thẩm phán Tòa án nhân dân cấp cao tại Thành phố Hồ Chí Minh, quyết định:

- Chấp nhận kháng nghị số 196/2015/KN.DS ngày 06/7/2015 của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao.

- Hủy bản án dân sự phúc thẩm số 309/2012/DSPT ngày 23/7/2012 của Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang và hủy bản án dân sự sơ thẩm số 26/2012/DSST ngày 15/3/2012 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang. Giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm lại theo đúng quy định pháp luật.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 118/2017/DSST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang, quyết định:

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T.

Buộc chị Lại Thu H trả cho ông Cao Văn T số tiền 1.500.000.000 đồng vốn và 741.041.666 đồng lãi suất, cộng chung là 2.241.041.666 đồng (hai tỷ hai trăm bốn mươi một triệu, không trăm bốn mươi một nghìn, sáu trăm sáu mươi sáu đồng), trả làm một lần.

- Không chấp nhận ông T yêu cầu chị H trả thêm số tiền vốn là 550.000.000 đồng và tiền lãi 987.450.000 đồng, cộng chung là 1.537.450.000 đồng (một tỷ năm trăm ba mươi bảy triệu bốn trăm năm mươi nghìn đồng).

Ngoài ra, bản án còn tuyên nghĩa vụ về án phí, lãi suất chậm trả do chậm thi hành án và quyền kháng cáo của đương sự theo qui định của pháp luật.

* Ngày 06/9/2017, bị đơn Lại Thu H kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết bao gồm: Chị H chỉ đồng ý trả cho ông T tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng tính theo lãi suất ngân

hàng quy định và yêu cầu hủy Quyết định áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời số 06/2017/QĐ-BPKCTT ngày 21/7/2017.

* Ngày 26/9/2017, nguyên đơn Cao Văn T kháng cáo bản án sơ thẩm yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm giải quyết chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc chị Lại Thu H trả cho ông số tiền vốn 2.050.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 26/6/2011 đến ngày Tòa án xét xử, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại phiên tòa phúc thẩm, bị đơn Lại Thu H vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo chỉ đồng ý trả cho ông T tiền vốn vay 100.000.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng. Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn Cao Văn T không đồng ý với yêu cầu kháng cáo của bị đơn và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu kháng cáo. Các bên không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đại diện Viện kiểm sát cho rằng yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Cao Văn T và bị đơn Lại Thu H là không có cơ sở, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn và bị đơn, giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Qua nghiên cứu toàn bộ tài liệu có trong hồ sơ vụ kiện, yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn Cao Văn T và bị đơn Lại Thu H, nghe đương sự trình bày thêm tại phiên tòa phúc thẩm, qua tranh luận và ý kiến phát biểu của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang.

Xét đơn kháng cáo của chị H không đồng ý với bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, chị kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền nợ vay 100.000.000 đồng theo biên nhận ngày 26/4/2009 và tiền lãi 3.000.000 đồng tính theo lãi suất ngân hàng quy định (tính từ ngày 15/3/2012 xét xử sơ thẩm đến ngày 23/7/2012 xử phúc thẩm).

Xét đơn kháng cáo của ông T không đồng ý với bản án sơ thẩm và yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông, buộc chị Lại Thu H trả cho ông số tiền vốn 2.050.000.000 đồng và lãi suất theo quy định pháp luật từ ngày 26/6/2011 đến ngày Tòa án xét xử, trả 01 lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định:

Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời trình bày của các đương sự tại phiên tòa đã thể hiện nội dung: Ông T khởi kiện yêu cầu chị H trả cho ông số tiền vay 2.050.000.000 đồng, với mức lãi suất 2,5%/ tháng, thời hạn vay 20

ngày. Khi vay chị H có viết biên nhận và thế chấp 01 giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị H đứng tên, ông T yêu cầu chị H trả số tiền vốn và tiền lãi suất theo quy định của pháp luật từ ngày viết biên nhận 26/6/2011 đến ngày Tòa án xét xử, trả làm một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật. Khi nào chị H trả xong số tiền nêu trên, ông tự nguyện trả lại cho chị H giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà chị H đã thế chấp.

Chị H không đồng ý với yêu cầu khởi kiện của ông T. Chị H trình bày do kinh doanh khách sạn gặp khó khăn, cần vốn nên ngày 26/4/2009 chị có vay của ông T số tiền 100.000.000 đồng, lãi suất 20%/ tháng, chị có viết biên nhận và thế chấp giấy phép kinh doanh khách sạn cho ông T. Vì không có khả năng trả vốn và lãi nên vào ngày 26/02/2010, ông T yêu cầu chị tiếp tục viết biên nhận nợ của ông T với số tiền vay 300.000.000 đồng (bao gồm tiền vốn 100.000.000 đồng, tiền lãi của 10 tháng) và lãi suất 20%/ tháng. Do số tiền vốn vay tăng lên, lãi nhập vốn nên chị mất khả năng chi trả. Đến ngày 26/6/2011, ông T đe dọa, ép chị viết biên nhận nợ số tiền 2.050.000.000 đồng, không ra công chứng và buộc chị thế chấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do chị đứng tên. Chị H kháng cáo chỉ đồng ý trả số tiền vốn vay ban đầu là 100.000.000 đồng và tiền lãi 3.000.000 đồng tính theo lãi suất Ngân hàng quy định (tính từ ngày 15/3/2012 xét xử sơ thẩm đến ngày 23/7/2012 xử phúc thẩm lần đầu). Căn cứ để chị yêu cầu như trên, chị Hương có cung cấp cho Tòa chứng cứ là 01 thẻ nhớ ghi âm cuộc điện thoại trao đổi giữa chị và ông T sau khi xét xử sơ thẩm lần 1. Tuy nhiên, trong nội dung ghi âm lại cuộc điện thoại này, chị H không đề cập đến số tiền vay 100.000.000 đồng mà chị có nhắc nhiều lần về số tiền vay ban đầu chỉ có 300.000.000 đồng nhưng do tiền lãi cao nên lên số tiền như vậy và ông T đồng có ý bớt cho chị số tiền lớn lúc thì 500.000.000 đồng, lúc thì 600.000.000 đồng, chứng tỏ số tiền lãi đã cộng dồn vốn. Qua các văn bản trình bày của chị H có trong hồ sơ vụ án tại các bút lục gồm: BL 20, 69, 70, 73, 107, 100 và trong đoạn ghi âm, chị H có nói “*con mượn chú có 300.000.000 đồng à, bây giờ lãi nhiều quá..*” (BL:113), chị H đều thừa nhận chị có vay của ông T số tiền vốn 300.000.000 đồng, lãi suất 20%. Xét thấy, việc chị H nhắc đi nhắc lại số tiền vay ban đầu có 300.000.000 đồng nhưng ông T không phản ứng hay xác định lại số tiền cho chị H vay. Qua đó, có thể xác định ông T mặc nhiên thừa nhận số tiền ông T cho chị H vay 300.000.000 đồng trong biên nhận ngày 26/2/2010 (BL:71) là có căn cứ. Vì vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm xét yêu cầu kháng cáo của chị Lại Thu H là có cơ sở chấp nhận 01 phần.

Xét tại phiên tòa sơ thẩm và phúc thẩm, chị T là đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn thừa nhận trong đoạn ghi âm điện thoại chị H cung cấp cho Tòa là giọng nói của ông T nên không yêu cầu giám định âm thanh. Chị T cho rằng: việc ông T đồng ý bớt cho chị H là bớt tiền vốn vay chứ không phải tiền lãi và yêu cầu chị H phải trả 01 lần số nợ trên, do chị H không thực hiện nên ông T yêu cầu chị H phải trả vốn 2.050.000.000 đồng và lãi suất theo quy định của nhà nước tính từ ngày làm biên nhận là ngày 26/6/2011 đến ngày xét xử. Xét thấy, việc cho vay giữa ông T và chị H là giao tiền mặt và ông T cho rằng chị H nhận tiền ngay sau khi viết biên nhận, không có người làm chứng. Trong khi bản thân

chị H vào thời điểm viết biên nhận, chị đang mang thai, xách số tiền mặt 2.050.000.000 đồng trong người là điều không hợp lý. Mặt khác, ông T là chủ doanh nghiệp tư nhân chuyên cho vay và nhận thế chấp tài sản. Nếu căn cứ biên nhận ngày 26/6/2011 đến ngày ông T khởi kiện đòi nợ ngày 19/8/2011 thời gian này chưa được 02 tháng, ông T vẫn yêu cầu chị H phải trả vốn vay và tính lãi theo pháp luật quy định thì không có việc sau khi bản án xét xử sơ thẩm ông T lại đồng ý bớt số tiền 600.000.000 đồng tiền vốn vay cho chị H. Đồng thời, với số tiền vay theo biên nhận ngày 26/02/2010 và theo mức lãi suất 20%, sau đó giảm xuống còn 2,5%/ tháng (vốn cộng lãi hàng tháng) là phù hợp với số tiền mà ông T khởi kiện đòi chị H trả. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu khởi kiện của ông T là có cơ sở một phần và yêu cầu kháng cáo của ông T là không có cơ sở để chấp nhận.

Xét mức lãi suất 20% mà hai bên thỏa thuận vay trong biên nhận ngày 26/2/2010 (BL:71) là quá cao so với mức pháp luật cho phép. Mặt khác, hai bên cũng khai không thống nhất nhau về mức lãi suất vay. Nên cần căn cứ quy định tại khoản 2 Điều 476 Bộ luật dân sự năm 2005, Quyết định số 2868/QĐ-NHNN ngày 29/11/2010 của Thống đốc Ngân hàng nhà nước Việt Nam để tính số tiền lãi mà chị H phải trả cho ông T. Do từ khi vay tiền đến nay, chị H vẫn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền cho ông T, để đảm bảo quyền lợi cho ông T, chị H phải chịu lãi suất theo quy định của pháp luật. Thời gian tính lãi trên số tiền vốn vay 300.000.000 đồng từ ngày 26/2/2010 đến ngày xét xử sơ thẩm 05/9/2017 là phù hợp.

Số tiền lãi được tính là $300.000.000 \text{ đồng} \times 9\%/\text{năm} \times 07 \text{ năm}, 06 \text{ tháng}, 09 \text{ ngày} = 203.175.000 \text{ đồng}$

Do đó, số tiền chị H phải trả ông T gồm tiền vốn cộng lãi là 503.175.000 đồng.

Từ các cơ sở nhận định trên chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị H; Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông T; Sửa một phần bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện CB.

Xét đơn xin giảm án phí của chị Lại Thu H ngày 12/12/2017 và đơn xin giảm án phí ngày 26/9/2017 của ông Cao Văn T. Hai bên đương sự đều có lý do hoàn cảnh khó khăn nhưng đơn của ông T không có xác nhận của chính quyền địa phương, đồng thời ông T là người được chị H trả tiền vay nên là người có tài sản. Vì vậy, ông T không thuộc đối tượng được miễn giảm án phí theo quy định của pháp luật. Đơn xin giảm án phí của chị H có xác nhận của Ủy ban nhân dân thị trấn CB là hoàn cảnh kinh tế của chị H đang gặp khó khăn phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 13, Điều 14 và Điều 15 Nghị quyết 326/2010/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội 14 nên Hội đồng xét xử phúc thẩm xét giảm 50% mức án phí dân sự sơ thẩm mà chị H phải nộp.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang không phù hợp với nhận định trên của Hội đồng xét xử nên không được chấp nhận.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 308; khoản 2 Điều 148 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Điều 471, 474, 476, 305 Bộ luật dân sự năm 2005; Pháp lệnh số 10/2009/UBTVQH12 ngày 27/02/2009; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Chấp nhận một phần yêu cầu kháng cáo của chị Lại Thu H.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn T.

Sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm số 118/2017/DS-ST ngày 05/9/2017 của Tòa án nhân dân huyện CB, tỉnh Tiền Giang.

- Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T.

Buộc chị Lại Thu H có nghĩa vụ trả cho ông Cao Văn T số tiền vốn cộng lãi là 503.175.000 đồng (*năm trăm lẻ ba triệu một trăm bảy mươi lăm ngàn đồng*). Thực hiện trả khi án có hiệu lực pháp luật.

- Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của ông Cao Văn T về việc đòi chị Lại Thu H trả thêm số tiền vốn là 1.750.000.000 đồng.

Kể từ ngày ông T có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chị Lại Thu H chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm tiền lãi chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí:

- Chị Lại Thu H phải chịu 12.063.500 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm và không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm. Chị H được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm 200.000 đồng theo biên lai thu số 005930 ngày 14/01/2013 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 07488 ngày 06/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB, nên chị H còn phải nộp tiếp số tiền 11.563.500 đồng.

- Ông Cao Văn T phải chịu 64.500.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm. Ông T được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp là 68.654.400 đồng theo các biên lai thu số 005753 ngày 07/11/2012, 005929 ngày 14/01/2013, 0026703 ngày 29/5/2013, 0049300 ngày 05/5/2014, 0004220 ngày 22/8/2014 và tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 07539 ngày 26/9/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện CB, nên ông T được hoàn lại số tiền là 4.154.400 đồng.

Các phần khác của quyết định án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án tuyên vào lúc 08 giờ 30 phút ngày 28/12/2017, có mặt chị Hương.

Nơi nhận:

- TANDCC tại Tp. Hồ Chí Minh;
- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện CB;
- CCTHADS huyện CB;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Võ Thị Thu Thúy